

LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Số : 26 /CDGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
Lần 01 năm 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 07 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 28/02/2019, Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp 0,98 kinh phí hoạt động công đoàn lần 01 năm 2019 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí công đoàn về tài khoản của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 28/02/2019 (*Biểu số 01 đính kèm*).

2. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo tới các công đoàn cơ sở số kinh phí phải cấp và kinh phí đã trừ 10% Nghị quyết 9C/NQ-BCH của lần 01 năm 2019 (*Biểu số 02 đính kèm*).

Ban chấp hành công đoàn cơ sở theo dõi, tổng hợp số kinh phí phải cấp, số kinh phí đã trừ để đưa số liệu vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2019 gồm 02 mục: đưa số kinh phí phải cấp cho CĐCS theo số thực thu 0,98 (*ở cột số 05 của biểu số 02*) vào dòng “kinh phí cấp trên cấp”; đưa số kinh phí đã trừ theo NQ9C (*ở cột số 08 của biểu số 02*) vào dòng “kinh phí nộp cấp trên”.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CDGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN LẦN 1 NĂM 2019

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2018	Cấp lần 1 năm 2019	Tổng cộng
1	Trường THPT Cộng Hòa	747,514		747,514
2	Trường THPT Đại Đồng			
3	Trường THPT Quyết Thắng	709,665	3,001,000	3,710,665
4	Trường THPT Lạc Sơn	2,880,746	4,862,000	7,742,746
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	921,536		921,536
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	1,830,584	1,557,000	3,387,584
7	Trường THPT Thạch Yên	1,580,827	2,498,000	4,078,827
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	609,695	3,371,000	3,980,695
9	Trường THPT Cao Phong	2,949,192	4,551,000	7,500,192
10	Trường THPT Kỳ Sơn	865,339	4,582,000	5,447,339
11	Trường THPT Phú Cường	1,856,689	3,031,000	4,887,689
12	Trường THPT Lương Sơn		6,019,000	6,019,000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	6,473,790		6,473,790
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	407,286	3,728,000	4,135,286
15	Trường THPT Cù Chính Lan	2,815,724		2,815,724
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	508,079	4,109,000	4,617,079
17	Trường THPT Lạc Thủy B	3,073,546	4,733,000	7,806,546
18	Trường THPT Lạc Thủy		4,638,000	4,638,000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	544,292	2,931,000	3,475,292
20	Trường THPT Mai Châu	1,005,873	5,300,000	6,305,873
21	Trường THPT Mai Châu B	455,173	1,193,000	1,648,173
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	879,573	3,167,000	4,046,573
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu			
24	Trường THPT Yên Thủy C	592,622		592,622
25	Trường THPT Yên Thủy A			
26	Trường THPT Yên Thủy B	2,834,042	4,485,000	7,319,042
27	Trường THPT Thanh Hà	2,461,694	3,429,000	5,890,694
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy	3,660,432		3,660,432
29	Trường THPT 19/5	1,125,056	5,819,000	6,944,056
30	Trường THPT Kim Bôi	930,340	5,746,000	6,676,340
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	628,208	3,521,000	4,149,208
32	Trường THPT Sào Báy	748,295	3,973,000	4,721,295
33	Trường THPT Bắc Sơn	461,509	2,674,000	3,135,509
34	Trường THPT Mường Chiềng	632,322	2,824,000	3,456,322
35	Trường THPT Yên Hoà	360,921	1,861,000	2,221,921
36	Trường THPT Đà Bắc	2,637,485	4,044,000	6,681,485

37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	1,251,890	2,033,000	3,284,890
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	527,826		527,826
39	Trường THPT Đoàn Kết		1,756,000	1,756,000
40	Trường THPT Tân Lạc	897,757	4,935,000	5,832,757
41	Trường THPT Mường Bi	2,695,740	4,169,000	6,864,740
42	Trường THPT Lũng Vân	887,390	1,928,000	2,815,390
43	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	902,612		902,612
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh		7,822,000	7,822,000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ		12,662,000	12,662,000
46	Trường THPT Công nghiệp			
47	Trường THPT Lạc Long Quân	1,032,614	5,324,000	6,356,614
48	Trường THPT Ngô Quyền		3,176,000	3,176,000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình		10,060,000	10,060,000
50	Trung tâm GDTX tỉnh		3,682,000	3,682,000
51	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình		5,455,000	5,455,000
52	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn			
53	Trung tâm THHN-NNTH	1,577,266	3,701,000	5,278,266
54	Công ty CP sách & TBTH			
	Cộng	57,961,144	168,350,000	226,311,144

Hoà Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Bùi Mạnh Thắng



Bùi Đức Ngọc

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH
(LẦN 1 NĂM 2019)

STT	Tên đơn vị	Số KP tính để trích nộp theo NQ 9C từ 1/1 đến hết ngày 28/02/2019	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CĐCS theo số thực thu (0,98)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CĐCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ- BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ-BCH
1	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa	-	-	-			
2	Trường THPT Đại Đồng	-	-	-			
3	Trường THPT Quyết Thắng	7,133,200	3,566,600	3,495,000	2,118,480	4,943,120	494,000
4	Trường THPT Lạc Sơn	11,558,000	5,779,000	5,663,000	3,432,600	8,009,400	801,000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	-	-	-			
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	3,700,000	1,850,000	1,813,000	1,098,900	2,564,100	256,000
7	Trường THPT Thạch Yên	5,939,596	2,969,798	2,910,000	1,763,939	4,115,859	412,000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	8,012,706	4,006,353	3,926,000	2,379,706	5,552,647	555,000
9	Trường THPT Cao Phong	10,818,888	5,409,444	5,301,000	3,213,133	7,497,311	750,000
10	Trường THPT Kỳ Sơn	10,891,200	5,445,600	5,337,000	3,234,780	7,547,820	755,000
11	Trường THPT Phú Cường	7,204,100	3,602,050	3,530,000	2,139,615	4,992,435	499,000
12	Trường THPT Lương Sơn	14,306,334	7,153,167	7,010,000	4,248,950	9,914,217	991,000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	-	-	-			
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	8,860,600	4,430,300	4,342,000	2,631,690	6,140,610	614,000
15	Trường THPT Cù Chính Lan	-	-	-			
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	9,767,000	4,883,500	4,786,000	2,900,850	6,768,650	677,000
17	Trường THPT Lạc Thủy B	11,250,616	5,625,308	5,513,000	3,341,492	7,796,816	780,000
18	Trường THPT Lạc Thủy	11,025,400	5,512,700	5,402,000	3,274,410	7,640,290	764,000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	6,968,287	3,484,144	3,414,000	2,069,443	4,828,700	483,000
20	Trường THPT Mai Châu	12,597,700	6,298,850	6,173,000	3,741,555	8,730,295	873,000
21	Trường THPT Mai Châu B	2,834,200	1,417,100	1,389,000	841,830	1,964,270	196,000
22	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Mai Châu	7,529,200	3,764,600	3,689,000	2,236,080	5,217,520	522,000
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	-	-	-			
24	Trường THPT Yên Thủy C	-	-	-			
25	Trường THPT Yên Thủy A	-	-	-			
26	Trường THPT Yên Thủy B	10,660,710	5,330,355	5,224,000	3,166,307	7,388,049	739,000
27	Trường THPT Thanh Hà	8,151,800	4,075,900	3,994,000	2,420,970	5,648,930	565,000
28	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Yên Thủy	-	-	-			

29	Trường THPT 19/5	13,830,000	6,915,000	6,777,000	4,107,600	9,584,400	958,000
30	Trường THPT Kim Bôi	13,656,800	6,828,400	6,692,000	4,056,120	9,464,280	946,000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	8,368,800	4,184,400	4,101,000	2,485,620	5,799,780	580,000
32	Trường THPT Sào Báy	9,442,900	4,721,450	4,627,000	2,804,535	6,543,915	654,000
33	Trường THPT Bắc Sơn	6,355,400	3,177,700	3,114,000	1,887,510	4,404,190	440,000
34	Trường THPT Mường Chiềng	6,712,000	3,356,000	3,289,000	1,993,500	4,651,500	465,000
35	Trường THPT Yên Hoà	4,424,000	2,212,000	2,168,000	1,314,000	3,066,000	307,000
36	Trường THPT Đà Bắc	9,612,000	4,806,000	4,710,000	2,854,800	6,661,200	666,000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	4,832,000	2,416,000	2,368,000	1,435,200	3,348,800	335,000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	-	-	-			
39	Trường THPT Đoàn Kết	4,173,900	2,086,950	2,045,000	1,239,585	2,892,365	289,000
40	Trường THPT Tân Lạc	11,729,600	5,864,800	5,748,000	3,483,840	8,128,960	813,000
41	Trường THPT Mường Bi	9,910,200	4,955,100	4,856,000	2,943,330	6,867,770	687,000
42	Trường THPT Lũng Ván	4,582,800	2,291,400	2,246,000	1,361,220	3,176,180	318,000
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc	-	-	-			
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	18,593,159	9,296,580	9,111,000	5,522,274	12,885,306	1,289,000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	30,098,700	15,049,350	14,748,000	8,939,205	20,858,145	2,086,000
46	Trường THPT Công nghiệp	-	-	-			
47	Trường THPT Lạc Long Quân	12,655,200	6,327,600	6,201,000	3,758,580	8,770,020	877,000
48	Trường THPT Ngô Quyền	7,549,100	3,774,550	3,699,000	2,242,065	5,231,485	523,000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	23,912,800	11,956,400	11,717,000	7,102,020	16,571,380	1,657,000
50	TT GDTX tỉnh	8,753,600	4,376,800	4,289,000	2,599,740	6,066,060	607,000
51	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	12,967,800	6,483,900	6,354,000	3,851,370	8,986,530	899,000
52	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	-	-	-			
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp-NNTH	8,121,800		3,980,000	1,194,000	2,786,000	279,000
54	Công ty CP sách & TBTH	-	-	-			
Cộng		399,492,096	195,685,148	195,751,000	117,430,844	274,005,304	27,401,000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Mạnh Thắng

Bùi Mạnh Thắng

Hòa Bình, ngày 07 tháng 3 năm 2019

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc